

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 941/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2022

V/v: “Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống
với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn P Trinh;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: “Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1/1, đường số 18, ấp , xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bạch T: Ông Lê D, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Việt Quốc tế, GG-01.09 Garden Gate, số 08 Hoàng Minh Giám, Phường 9, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Ngô Hữu P, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1/1 đường 18, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 08/11/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/02/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày sự việc như sau:

Bà (Nguyễn Thị Bạch T) ly hôn ông Lai Chí C theo Bản án số 183 ngày 23/8/1997 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó bà phải giao cho ông C 70 chỉ vàng 9T6, bà được sở hữu căn nhà số 117A3/1 Lạc Long Quân, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/9/1997 bà đã giao đủ cho ông C số vàng trên tại Đội Thi hành án quận T và có Đơn xác nhận thi hành án xong ngày 15/9/2003. Đến năm 2005 bà dùng tiền bán căn nhà trên để mua diện tích đất khoảng 200m² của bà Nguyễn Thị S. Ngày 24/11/2005 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xã T, huyện Củ Chi mà bà mua của bà S.

Sau khi ly hôn với ông C thì năm 2001 bà chung sống với ông P như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Thời gian này bà và ông P sống bên nhà mẹ vợ, sau đó một thời gian thì hai bên qua sống tại căn nhà số 117A3/1 Lạc Long Quân, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (đây là căn nhà mà bà T được chia khi ly hôn với ông Lai Chí C). Năm 2010 bà T nộp đơn xin ly hôn ông P và tại Bản án số 620/2010/HNGĐ-ST ngày 11/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông P. Như vậy diện tích đất 200,6m² thuộc thửa 728 tờ bản đồ số 2 tại địa chỉ số 1/1 Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C đương nhiên là tài sản riêng của bà. Tuy nhiên ông P cho rằng phần đất đó là tài sản chung và yêu cầu chia nên bà không chấp nhận. Để tranh chấp và giành quyền chia tài sản ông P đã có hành vi đe dọa và đập phá đồ đạc, làm ảnh hưởng đến nhân phẩm, danh dự của bà đồng thời gây tác động xấu tới con gái của bà và ông P là cháu Ngô Thị Thủy T.

Trên phần đất diện tích 200,6m², có 01 căn nhà cấp 4 được xây khoảng năm 2005, không có giấy phép xây dựng và đến năm 2018 do nhà bị dột nên bà xây thêm căn nhà phụ liền vách (căn nhà sau bà có xin và được cấp giấy phép xây dựng).

Bà đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 200,6m², thửa đất số 728, tờ bản đồ

số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 936585, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01449/15 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà ngày 24/11/2005 và 02 căn nhà cùng công trình phụ có trên đất tọa lạc trên thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ số 1/1, đường số 18, Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà. Bà tự nguyện hỗ trợ cho ông P số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tại phiên tòa, ông Lê D là người đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bạch T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 200,6m², thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp Hậu, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 936585, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01449/15 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T ngày 24/11/2005 và 02 căn nhà cùng công trình phụ có trên đất tọa lạc trên thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ số 1/1, đường số 18, Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Bạch T và giao nhà đất được nêu ở trên cho bà T quản lý, sử dụng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bởi các lý do sau: Năm 2001 bà T chung sống với ông P như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Thời gian này bà T và ông P sống bên nhà mẹ vợ, sau đó một thời gian thì hai bên qua sống tại căn nhà số 117A3/1 Lạc Long Quân, Phường 10, quận T (đây là căn nhà mà bà T được chia khi ly hôn với ông Lai Chí C). Ngày 24/10/2005 bà T đặt cọc mua phần đất tại xã T, huyện C. Ngày 22/11/2005 do bà T và ông P mâu thuẫn với nhau, quyết định đường ai nấy đi nên hai bên có thỏa thuận là bà T sẽ giao cho ông P 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hai bên không còn quan hệ vợ chồng, ông P nhận tiền và ra khỏi nhà, không ai làm khó dễ ai, tất cả đồ đạc trong nhà ông P để lại cho bà T sử dụng (giấy nhận tiền này có xác nhận của Ban điều hành Tổ Dân phố). Sau đó bà T xây được 01 căn nhà cấp 4 trên phần đất mua của bà S, đến năm 2018 do nhà bị đột nước nên bà T xây thêm căn nhà phụ. Toàn bộ số tiền mua đất và cất nhà là từ tiền của bà T có được từ việc bán căn nhà được chia khi ly hôn với ông Lai Chí C và tiền từ việc bà T nhận thừa kế. Do không am hiểu pháp luật nên bà T cho rằng giữa bà và ông P không còn liên quan với nhau vì cả hai không đăng ký kết hôn, nhưng đến năm 2010 bà T mới biết là phải do Tòa án giải quyết thì mới chấm dứt mối quan hệ về mặt pháp lý nên bà T nộp đơn xin ly hôn ông P, tại Bản án số 620/2010/HNGĐ-ST ngày 11/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên

không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông P.

Bà T thống nhất với việc định giá mà Hội đồng định giá đã kết luận vào ngày 17/12/2020. Bà T tự nguyện hỗ trợ cho ông P số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T và con của bà T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 1/1, đường số 18, Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông P thì không có hộ khẩu thường trú tại đây, từ trước đến nay hộ khẩu thường trú của ông P ở tại tỉnh Đồng Tháp.

*** Bị đơn ông Ngô Hữu P trình bày:**

Diện tích đất 200,6m² thuộc thửa số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 936585, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01449/15 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T ngày 24/11/2005 và 02 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất là tài sản chung trong thời kì ông và bà T sống chung với nhau.

Nay bà Nguyễn Thị Bạch T yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất và 02 căn nhà tọa lạc trên đất nêu trên là tài sản riêng của bà T, ông không đồng ý.

Ngày 04/5/2021 ông có nộp Đơn phản tố cho Tòa án để yêu cầu chia tài sản chung, ông có nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng ông không có điều kiện nộp nên ông xin rút đơn phản tố ngày 04/5/2021. Tuy nhiên, ông vẫn xác định diện tích đất 200,6m², thuộc thửa số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 936585 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T ngày 24/11/2005 và 02 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất là tài sản chung của ông và bà T. Trường hợp bà T chịu giao cho ông số tiền 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng) thì ông sẽ giao toàn bộ nhà và đất nêu trên cho bà T, còn không ông sẽ giao cho bà T số tiền 1.500.000.000đ (Một tỉ năm trăm triệu đồng) và ông sẽ lấy toàn bộ nhà và đất nêu trên.

* Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Ngoài việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử thì từ

khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T: Công nhận diện tích đất 200,6m², thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 936585, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01449/15 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T ngày 24/11/2005 và 02 căn nhà cùng công trình phụ gắn liền với đất tọa lạc trên thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ số 1/1, đường số 18, Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Bạch T, buộc ông P phải giao nhà đất được nêu ở trên cho bà T quản lý, sử dụng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; ghi nhận việc bà T tự nguyện hỗ trợ cho ông P số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” được quy định tại Khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông Ngô Hữu P hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T về việc yêu cầu công

nhận diện tích đất 200,6m², thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 936585, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01449/15 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T ngày 24/11/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T vào ngày 24/11/2005 và 02 căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ có trên đất tọa lạc trên thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ số 1/1, đường số 18, Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Bạch T; buộc ông P phải giao nhà đất cho bà T quản lý, sử dụng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo lời bà T trình bày thì năm 2001 bà T chung sống với ông P như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Thời gian này bà T và ông P sống bên nhà mẹ vợ, sau đó một thời gian thì hai bên qua sống tại căn nhà số 117A3/1 Lạc Long Quân, Phường 10, quận T (đây là căn nhà mà bà T được chia khi ly hôn với ông Lai Chí C). Ngày 24/10/2005 bà T đặt cọc mua phần đất tại xã T, huyện C. Ngày 22/11/2005 do bà T và ông P mâu thuẫn với nhau, quyết định không sống chung nữa nên hai bên có thỏa thuận là bà T sẽ giao cho ông P 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hai bên không còn quan hệ vợ chồng, ông P nhận tiền và ra khỏi nhà, không ai làm khó dễ ai, tất cả đồ đạc trong nhà ông P để lại cho bà T sử dụng (giấy nhận tiền này có xác nhận của Ban Điều hành Tổ Dân phố). Sau đó bà T xây được 01 căn nhà cấp 4 trên phần đất mua của bà S, đến năm 2018 do nhà bị dột nước nên bà T xây thêm căn nhà phụ. Toàn bộ số tiền mua đất và cất nhà là từ tiền của bà có được từ việc bán căn nhà được chia khi ly hôn với ông Lai Chí C và từ việc bà T được nhận thừa kế. Do không am hiểu pháp luật nên bà T cho rằng giữa bà và ông P không còn liên quan với nhau vì cả hai không đăng ký kết hôn nhưng đến năm 2010 bà T mới biết là phải do Tòa án giải quyết thì mới chấm dứt nên năm 2010 bà T nộp đơn xin ly hôn ông P, tại Bản án số 620/2010/HNGĐ-ST ngày 11/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông P.

Xét thấy việc bà T cho rằng phần đất 200,6m² và 02 căn nhà cấp 4 cùng công trình phụ gắn liền với đất (căn nhà thứ nhất được xây dựng khoảng cuối năm 2005 không có giấy phép, nhà tự cất; căn thứ hai được xây dựng năm 2018, bà T là người đứng tên xin giấy phép và được cấp giấy phép xây dựng) tọa lạc trên đất là tài sản riêng của bà T và buộc ông P phải giao nhà đất cho bà T là có cơ sở bởi lẽ: Theo quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì được giải quyết theo thỏa

thuận giữa các bên; trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Do đó tài sản nhà đất đang tranh chấp mặc dù được tạo lập trong thời gian bà T đang sống chung với ông P nhưng bà T chứng minh được nguồn gốc số tiền bà T có được để mua đất và xây nhà là từ việc bán căn nhà tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản riêng của bà T được chia trong vụ án ly hôn với ông Lai Chí C và năm 2016 bà T được hưởng thừa kế từ gia đình bà); ngoài ra việc mua đất của bà S chỉ do một mình bà T đứng ra giao dịch và bà T được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tại giấy đặt cọc mua đất của bà S ngày 24/10/2005 chỉ có một mình bà T là người đứng ra đặt cọc mua đất; đến ngày 01/11/2005 cũng chỉ có một mình bà T ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất trên từ bà S). Sau đó, ngày 22/11/2005 giữa bà T và ông P có thỏa thuận như sau: *“Tôi Ngô Hữu P, sinh năm 1968 nguyên quán Tân Thành, Lai Vung, Đồng Tháp có nhận của Nguyễn Thị Bạch T số tiền là 20.000.000đ kể từ đây tôi và Bạch T không còn quan hệ vợ chồng nữa, tôi lấy số tiền ra đi khỏi nhà, còn việc con tôi có quyền tới thăm con, từ giờ phút này trở đi không ai làm khó dễ ai hết, nếu ai làm khó dễ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tất cả đồ đạc trong nhà tôi để lại cho Bạch T sử dụng”*, Giấy nhận tiền này có xác nhận của Ban Điều hành Tổ Dân phố. Ngoài ra, tại Bản án số 620/2010/HNGĐ-ST ngày 11/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông P; bà T khai không có tài sản chung, trong khi đó ông P không có bất cứ khởi kiện nào để tranh chấp phần tài sản trên với bà T kể từ thời điểm đó cho đến nay.

[3] Tại phiên tòa, bà T tự nguyện hỗ trợ cho ông P số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/11/2020 thì trên phần đất 200,6m², thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp Hậu, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu tường xây tô, mái lợp tole, nền gạch men, diện tích 103,2m² và 01 căn nhà xây năm 2018 diện tích 35,2m² có kết cấu tường xây tô, mái lợp tole, nền gạch men, có 01 gác lửng; công trình phụ gắn liền với đất gồm: sân lát gạch xi măng, phía trước nhà có 01 cổng sắt, hàng rào sắt, bên trái và bên phải (trong nhà nhìn ra) có hàng rào gạch block và hàng rào lưới B40.

Như vậy Hội đồng xét xử công nhận diện tích đất cùng tài sản gắn liền với đất như vừa nêu ở trên là tài sản riêng của bà T và buộc ông P phải giao lại cho bà T quản lý, sử dụng là phù hợp.

[5] Tại biên bản định giá tài sản ngày 17/12/2020 đã kết luận: Đất ở có giá trị 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/m², đất trồng cây lâu năm có giá trị 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/m², căn nhà cấp 4 thứ nhất có giá trị 130.444.800đ (Một trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng), căn nhà tường xây năm 2018 có giá trị 88.985.600đ (Tám mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng); giá trị cổng, hàng rào là 422.400đ (Bốn trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng); sân xi măng có giá trị 2.549.120đ (Hai triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn một trăm hai mươi đồng), tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 1.201.201.920đ (Một tỉ hai trăm lẻ một triệu hai trăm lẻ một nghìn chín trăm hai mươi đồng), quá trình thụ thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, các đương sự không có ý kiến gì về kết luận định giá trên.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Do phía nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T nên ông P phải nộp tiền án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 205, 206 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch T.

Công nhận diện tích đất 200,6m², thuộc thửa số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 936585, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01449/15 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T ngày 24/11/2005 là tài sản riêng của bà T; công nhận 02 căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ gắn liền với đất tọa lạc trên thửa đất số 728, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Tổ 8, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Bạch T, cụ thể: 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu tường xây tô, mái lợp tole, nền gạch men, diện tích 103,2m² và 01 căn nhà xây năm 2018 diện tích 35,2m² có kết cấu tường xây tô, mái lợp tole, nền gạch men, có 01 gác lửng; công trình phụ gắn liền với đất gồm: sân lát gạch xi măng, phía trước nhà có 01 cổng sắt, hàng rào sắt, bên trái và bên phải (trong nhà nhìn ra) có hàng rào gạch block và hàng rào lưới B40.

Buộc ông P phải giao nhà đất cùng tài sản gắn liền với đất như vừa nêu ở trên cho bà T quản lý, sử dụng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc hỗ trợ cho ông P số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T tự nguyện chịu nên không xét.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông P phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và 5.485.760đ (Năm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) cho bà T theo biên lai 0083583 ngày 03/3/2020 và biên lai số 0085756 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương